

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 1) cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần – Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng Đường tỉnh 289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đồng Đình; nối QL31 với ĐT293); đường Nguyễn Thị Minh Khai kéo dài; hệ thống tiêu thoát nước và giao thông khu A, B thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng BT)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thu đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 11/TTg-NN ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 481/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về việc chấp thuận đầu tư Dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang; số 737/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2030 thành phố Bắc Giang; số 1053/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long tại Đơn xin giao đất (đợt 1) ngày 28/12/2021; UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 551/TTr-UBND ngày 29/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 47/TTr-TNMT ngày 20/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Thu hồi diện tích 3.702,6m² (*Ba nghìn bảy trăm linh hai phẩy sáu mét vuông*) do UBND xã Dĩnh Kế (50,5m²), UBND xã Tân Tiến (3.652,1m²) được UBND tỉnh giao quản lý tại các Quyết định: số 94/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 và số 162/QĐ-UBND ngày 29/3/2017.

2. Chuyển mục đích sử dụng (đợt 1) với diện tích 388.475,0m² (*Ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi năm mét vuông*), trong đó: có 3.702,6m² đã thu hồi tại mục 1; 384.772,4m² đất đã được UBND thành phố Bắc Giang thu hồi đất và giải phóng mặt bằng. Trong đó:

Loại đất	Diện tích các loại đất (m ²)		
	Tổng	Xã Tân Tiến	Dĩnh Kế
Đất chuyên trồng lúa (LUC)	210.786,3	104.367,4	106.418,9
Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	1.364,7	1.364,7	0
Đất trồng cây hàng năm khác (BHK)	119.893,8	104.711,8	15.182,0
Đất trồng cây lâu năm (CLN)	2.441,6	1.556,9	884,7
Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	23.980,4	15.219,2	8.761,2
Đất giao thông (DGT)	20.749,0	13.573,4	7.175,6
Đất thủy lợi (DTL)	3.181,5	1.430,3	1.751,2
Đất cơ sở thể dục - thể thao (DTT)	5.617,5	5.617,5	0
Đất công trình năng lượng (DNL)	84,1	84,1	0
Đất trồng cây lâu năm khác (HNK)	376,1	376,1	0
TỔNG	388.475,0	248.301,4	140.173,6

(UBND thành phố Bắc Giang chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng quy định pháp luật của việc thu hồi và phê duyệt phương án BTGPMB. Chi tiết danh sách các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất theo Tờ trình số 551/TTr-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thành phố Bắc Giang)

3. Giao đất để sử dụng vào các mục đích như sau:

3.1. Giao toàn bộ diện tích 388.475,0m² (*Ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi năm mét vuông*) đã chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 1) tại mục 2 nêu trên cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện xây dựng Hạ tầng dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang.

3.2. Giao đất ở để thanh toán dự án Xây dựng Đường tỉnh 289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đồng Đình; nối QL31 với ĐT293); đường Nguyễn Thị Minh Khai kéo dài; hệ thống tiêu thoát nước và giao thông khu A, B thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao

đối với diện tích: 26.390,8m² (Hai mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi phẩy tám mét vuông).

(Có bảng tổng hợp cơ cấu, diện tích giao đất và diện tích đất ở thanh toán kèm theo).

4. Giao UBND phường Dĩnh Kế (1.219,1m² đất) và UBND xã Tân Tiến (1.901,4m² đất) để thiết lập hồ sơ, quản lý theo quy định pháp luật phần diện tích đất thu hồi nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án (không chuyển mục đích sử dụng đất).

5. Địa điểm: xã Tân Tiến và phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định bằng đường chỉ đỏ trên các tờ bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ lưu trữ tại Sở TN&MT).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu phí, lệ phí; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý biên động, xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất đã thu hồi; chủ trì xây dựng phương án giá đất và xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng đối với các lô đất đã giao đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan xác định và hướng dẫn Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long thực hiện nghĩa vụ tài chính, thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. UBND thành phố Bắc Giang: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Tân Tiến, UBND phường Dĩnh Kế tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Quyết định này; chỉ đạo chỉnh lý hồ sơ địa chính; thiết lập hồ sơ, quản lý chặt chẽ phần diện tích đất được giao tại khoản 4, Điều 1 nêu trên, không để xảy ra lấn chiếm, tự ý chuyển mục đích.

4. Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long:

4.1. Thực hiện theo đúng Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT) đã ký kết.

4.2. Phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa; đưa đất vào sử dụng và sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích được giao; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai; chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng, môi trường và các pháp luật có liên quan.

4.3. Xây dựng hoàn thành kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ các hạng mục đã xác định tại Quyết định chấp thuận đầu tư dự án cho UBND thành phố Bắc Giang quản lý.

4.4. Chỉ được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; Chủ tịch UBND xã Tân Tiến; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long;
- Phòng QLDD - Sở TNMT (*lưu HS*);
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + Các CV: ĐT, KT, TN;
- Lưu: VT, TNSN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

STT	Tên phân khu	Tổng diện tích đất phân khu (m2)	Diện tích giao đợt 1 (m2)					Diện tích chưa giao (m2)
			Tổng	Giao nhà đầu tư hoàn thiện dự án	Giao đất ở để thanh toán cho Nhà đầu tư			
					Diện tích	Tổng số lô	Lô số	
1	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9
I	Đất xây mới	142.647,0	126.762,2	100.371,4	26.390,8	204		15.884,8
1	Đất nhà liền kề	83.967,0	76.660,3	52.967,9	23.692,4	196		7.306,7
1.1	A-LK-50	1.289,0	1.114,0	1.114,0	-			175,0
1.2	A-LK-51	1.553,0	1.397,7	1.397,7	-	-		155,3
1.3	A-LK-52	3.636,0	2.877,1	2.010,9	866,2	6	1, 2, 3, 12, 13, 14	758,9
1.4	A-LK-56	5.122,0	4.452,3	4.452,3	-			669,7
1.5	A-LK-60	2.386,0	2.170,9	2.170,9	-			215,1
1.6	A-LK-61	2.978,0	2.558,7	2.558,7	-			419,3
1.7	A-LK-62	5.255,0	4.868,4	2.251,7	2.616,7	22	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22	386,6
1.8	A-LK-64	4.837,0	4.381,3	1.633,4	2.747,9	26	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22,50,51,52,53	455,7
1.9	A-LK-71							

		6.181,0	5.737,2	5.737,2				443,8
1.10	A-LK-72	6.177,0	5.793,8	3.597,3	2.196,5	17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17	383,2
1.11	A-LK-73	2.195,0	1.990,3	1.449,6	540,7	4	1, 2, 3, 4	204,7
1.12	B-LK-26	5.340,0	5.340,0	1.696,9	3.643,1	29	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46	-
1.13	B-LK-27	3.539,0	3.539,0	-	3.539,0	30	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30	-
1.14	B-LK-31	5.380,0	5.041,8	5.041,8				338,2
1.15	B-LK-35	3.991,0	3.991,0	3.991,0				-
1.16	B-LK-36	5.811,0	3.941,6	3.941,6	-			1.869,4
1.17	B-LK-40	5.357,0	5.357,0	-	5.357,0	46	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46	-
1.18	B-LK-43	2.701,0	1.874,2	1.874,2	-			826,8
1.19	B-LK-44	4.379,0	4.379,0	2.193,7	2.185,3	16	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16	-

1.20	B-LK-47	5.860,0	5.855,0	5.855,0				5,0
2	Đất nhà biệt thự	29.025,0	24.233,1	21.534,7	2.698,4	08		4.791,9
2.1	A-BT-1	1.006,0	771,7	771,7	-			234,3
2.2	A-BT-2	1.614,0	1.579,8	1.579,8				34,2
2.3	A-BT-3	7.286,0	5.833,3	5.833,3				1.452,7
2.4	A-BT-4	3.368,0	1.793,8	1.793,8	-			1.574,2
2.5	A-BT-5	5.968,0	5.252,8	3.028,4	2.224,4	7	1, 2, 15, 16, 17, 18, 19	715,2
2.6	A-BT-6	2.190,0	2.190,0	1.716,0	474,0	1	1	-
2.7	B-BT-1	3.495,0	2.713,7	2.713,7				781,3
2.8	B-BT-2	4.098,0	4.098,0	4.098,0				-
3	Đất ở Tái định cư	1.022,0	1.022,0	1.022,0	-			-
3.1	TĐC 1	495,0	495,0	495,0	-			-
3.2	TĐC 2	527,0	527,0	527,0	-			-
4	Đất nhà ở xã hội	28.633,0	24.846,8	24.846,8	-			3.786,2
4.1	B-OXH-1	7.476,0	5.237,7	5.237,7	-			2.238,3
4.2	B-OXH-2	12.070,0	10.707,6	10.707,6	-			1.362,4
4.3	B-OXH-3	6.990,0	6.804,5	6.804,5	-			185,5

4.4	B-OXH-4	2.097,0	2.097,0	2.097,0	-		-
II	Đất trường trung học	12.319,0	12.319,0	12.319,0	-		-
	B-TH-2	12.319,0	12.319,0	12.319,0	-		-
III	Đất nhà trẻ mẫu giáo	4.654,0	4.619,2	4.619,2	-		34,8
	A-NT-4	4.654,0	4.619,2	4.619,2	-		34,8
IV	Đất công cộng	23.740,0	21.025,3	21.025,3	-	-	2.714,7
1	B-CC-1	12.866,0	10.477,8	10.477,8	-		2.388,2
2	B-CC-2	10.874,0	10.547,5	10.547,5	-		326,5
V	Đất chợ	18.114,0	18.025,4	18.025,4	-		88,6
	A-CHO	18.114,0	18.025,4	18.025,4	-		88,6
VI	Đất cây xanh- mặt nước	51.911,0	47.606,6	47.606,6	-	-	4.304,4
1	A-CX-1	30.481,0	26.604,4	26.604,4	-		3.876,6
2	A-CX-2	15.741,0	15.370,5	15.370,5	-		370,5
3	A-CX-3	657,0	599,7	599,7	-		57,3
4	A-CX-4	109,0	109,0	109,0	-		-
5	A-CX-5	149,0	149,0	149,0	-		-
6	B-CX-6				-		-

		3.065,0	3.065,0	3.065,0				
7	B-CX-8	1.709,0	1.709,0	1.709,0	-			-
VII	Đất hạ tầng sau nhà	16.698,0	15.209,8	15.209,8	-			1.488,2
	HTSN	16.698,0	15.209,8	15.209,8	-			1.488,2
VIII	Đất trạm trung chuyển CTR	360,0	360,0	360,0	-	-	-	-
	B-GR-1	180,0	180,0	180,0	-			-
	B-GR-2	180,0	180,0	180,0	-			-
IX	Đất giao thông, bãi đỗ xe	166.274,0	142.547,5	142.547,5	-	-	-	23.726,5
1	BĐX - P	8.589,1	7.781,3	7.781,3	-			807,8
2	GT	157.684,9	134.766,2	134.766,2	-			22.918,7
Tổng		436.717,0	388.475,0	362.084,2	26.390,8	204	-	48.242,0